

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
Tỉnh Hậu Giang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS-ST
Ngày: 26-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuông

2. Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NHLV (viết tắt Ngân hàng Liên Việt)

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109, THĐ, phường CN, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng T- Địa chỉ: Số 32, đường NCT, Phường 1, TP. VT, tỉnh Hậu Giang. Theo Văn bản ủy quyền số 498 ngày 08/8/2022.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T2, ông Lê Văn T

Địa chỉ: Ấp 3A, xã Tân Hòa, huyện CT A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng Trị trình bày: Ngày 26/3/2013, ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 đã ký hợp đồng tín dụng số HDTD0371022O0013TD1 và khế ước nhận nợ 0371022O0013TD1-KU01 với Ngân hàng Liên Việt chi nhánh Hậu Giang. Nội dung hợp đồng thỏa thuận ông T bà T2 vay số tiền là 150.000.000đồng, lãi suất 16%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, hình thức vay là thế chấp. Lãi suất áp dụng theo phương thức định kỳ thay đổi trong thời hạn cho vay, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Kỳ hạn trả lãi 03 tháng trả 01 lần. Số tiền lãi đã trả là 12.098.630đồng. Khoản vay trên đã quá hạn từ ngày 27.12.2013 mà ông T bà T2 không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Đến ngày 31 tháng 7 năm 2017, ông T bà T2 đã hoàn trả cho Ngân hàng được phần nợ gốc, nhưng phần nợ lãi chưa thực hiện theo đúng thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T, bà T2 phải thanh toán phần tiền lãi cụ thể như sau: Tiền lãi trong hạn chưa trả là 11.465.753đồng; tiền lãi quá hạn là 145.645.752đồng và tiếp tục tính lãi T ngày xét xử theo quy định của pháp luật. Tại buổi hòa giải ngày 30/8/2022, ông Nguyễn Hùng Trị xác định yêu cầu ông T bà T2 phải trả cho Ngân hàng nợ lãi chưa trả tổng cộng là 119.989.696đồng, trong đó nợ gốc 0 đồng, lãi trong hạn 5.333.446đồng, lãi quá hạn là 114.656.250đồng. Đối với phần lãi chậm trả của tiền lãi 34.976.164đồng Ngân hàng rút lại không yêu cầu.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 trình bày: Ông bà thừa nhận còn thiếu nợ của Ngân hàng Liên Việt là 119.989.696đồng. Do hoàn cảnh của ông bà đang rất khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho trả 03 tháng một lần, mỗi lần trả 5.000.000đồng, khi nào bán được đất ông bà sẽ hoàn trả đủ số tiền nêu trên.

Bà Lê Thị T2 trình bày do đi làm ăn xa, nên xin vắng mặt tại phiên tòa không có khiếu nại gì về sau.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc vợ chồng ông T bà T2 phải trả tổng số tiền lãi còn thiếu là 119.989.696đồng và phần lãi chậm trả trên phần lãi quá hạn là 9.755.602 đồng tương đương

10%/năm. Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng tính theo hợp đồng là 36%/năm là vượt quá quy định của pháp luật, nay Ngân hàng điều chỉnh lại phần lãi chậm trả thấp hơn so với hợp đồng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn T trình bày trước đây hai bên thỏa thuận tổng số tiền là 119.989.696đồng nên vợ chồng ông đồng ý. Nay Ngân hàng yêu cầu thêm 9.755.602đồng lãi chậm trả gia đình ông không có khả năng nên không đồng ý, đề nghị Ngân hàng không tính phần lãi chậm trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bà Lê Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu của Ngân hàng Liên Việt yêu cầu ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền là 129.742.290đồng là có căn cứ, bởi lẽ ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 đã thực hiện việc ký kết hợp đồng vay tiền của Ngân hàng đã nhận tiền và thực hiện được phần nghĩa vụ trả nợ gốc. Tuy nhiên, đến thời điểm này ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 không tiếp tục thanh toán nợ lãi như thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 90, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Liên Việt; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Liên Việt cho ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 vay số tiền 150.000.000đồng thông qua hợp đồng tín dụng. Sau khi nhận được tiền, ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 đã thanh toán xong phần nợ gốc nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán phần tiền lãi là 129.742.290đồng (trong đó lãi trong hạn 5.333.446đồng, lãi quá hạn là 114.656.250đồng và lãi chậm trả

9.755.602đồng), Ngân hàng Liên Việt khởi kiện yêu cầu ông T bà T2 phải hoàn trả số tiền nêu trên nên phát sinh tranh chấp. Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa bà Lê Thị T2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt do bà đi làm ăn xa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Lê Thị T2.

[3] Về nội dung vụ án

[3.1] Đối với phần tiền 119.989.696đồng, trong đó lãi trong hạn là 5.333.446đồng, lãi quá hạn là 114.656.250đồng Ngân hàng Liên Việt yêu cầu ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 phải thanh toán: Tại buổi hòa giải ngày 30/8/2022, phía ông T bà T2 thừa nhận còn thiếu số tiền nêu trên và đồng ý hoàn trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ông T bà T2 yêu cầu được trả dần ba tháng một lần, mỗi lần 5.000.000đồng nhưng Ngân hàng không đồng ý. Như vậy, về phần nợ hai bên đã thống nhất, bị đơn đồng ý trả tiền 119.989.696đồng theo yêu cầu của nguyên đơn. Đây là ý chí tự nguyện của đương sự, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, về phương thức thanh toán nợ hai bên không thống nhất được nên sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.2]. Đối với phần yêu cầu tiền lãi chậm trả là 9.755.602đồng của Ngân hàng Liên Việt, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo hợp đồng tín dụng HDTD0371022O0013TD1 ngày 26/3/2013 các bên thỏa thuận lãi chậm trả là 0,1%/ngày tương đương 36%/ năm là vượt quá mức lãi xuất mà pháp luật quy định. Xét về nguyên tắc, thì việc thỏa thuận lãi chậm trả theo hợp đồng bị vô hiệu. Tại phiên tòa Ngân hàng Liên Việt cũng xác định phần thỏa thuận lãi trong hợp đồng là 36%/ năm vượt quá quy định của pháp luật. Phía Ngân hàng cho rằng, tại buổi hòa giải ông T bà T2 thống nhất trả số tiền 119.989.696đồng nên Ngân hàng rút yêu cầu phần lãi chậm trả. Tuy nhiên, ông bà lại không có phương thức thanh toán hợp lý với Ngân hàng. Do đó, tại phiên tòa, Ngân hàng tiếp tục yêu cầu ông T bà T2 phải thanh toán phần lãi chậm trả. Xét thấy, việc yêu cầu lãi chậm trả của Ngân hàng không có cơ sở để chấp nhận bởi các lý do sau: Thứ nhất, các bên đã thống

nhất tổng số tiền nợ tại buổi hòa giải ngày 30 tháng 8 năm 2022, các khoản nợ lãi là 119.989.696đồng bao gồm cả lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn, phần lãi chậm trả Ngân hàng rút yêu cầu; Thứ hai, phần lãi chậm trả Ngân hàng tính trên lãi quá hạn là chưa phù hợp, mức thỏa thuận lãi này trong hợp đồng không đúng với quy định của pháp luật, lãi trên lãi. Xét về mặt thực tế, phần lãi ông T bà T2 đồng ý thanh toán cho Ngân hàng ở mức 22,5% so với thời điểm hiện tại cao hơn quy định của pháp luật hiện hành là đã có lợi cho Ngân hàng. Thứ ba, xét theo Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì quyền yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Liên Việt với ông T bà T2 đã hết thời hiệu khởi kiện, phần nợ gốc bị đơn đã thanh toán xong. Tuy nhiên, bị đơn đã thống nhất trả phần lãi cho Ngân hàng gồm nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn là đã có lợi cho phía Ngân hàng. Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu tính thêm phần lãi chậm trả trên phần lãi quá hạn, ông T không đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận theo yêu cầu của Ngân hàng đối với phần lãi chậm trả.

[3.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên về khoản nợ các bên đã thỏa thuận được trước khi mở phiên tòa nên phần án phí dân sự mà bị đơn phải chịu là $2.5\% \times 119.989.696\text{đồng} = 2.999.742\text{đồng}$. Ngân hàng Liên Việt phải chịu án phí trên phần tiền không được chấp nhận là $5\% \times 9.755.602\text{đồng} = 488.000\text{đồng}$.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 91, Điều 92 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 429, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Liên Việt đối với bị đơn ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2.

2. Buộc ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 phải trả cho Ngân hàng Liên Việt tổng số tiền là 119.989.696đồng (Một trăm mười chín triệu chín trăm tám chín ngàn sáu trăm sáu chín đồng), trong đó lãi trong hạn là 5.333.446đồng (năm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm bốn mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 114.656.250đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Kể từ ngày Ngân hàng Liên Việt có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 chưa trả số tiền nêu trên thì ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm trên phần nợ chưa thanh toán.

Bác phần yêu cầu của NHL Yêu cầu ông T bà T2 hoàn trả 9.755.602đồng tiền lãi chậm trả trên lãi phạt.

4. Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Văn T và bà Lê Thị T2 phải chịu là 2.999.742đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm bốn mươi hai đồng); Ngân hàng Liên Việt phải chịu 488.000đồng (Bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.927.000đồng (Ba triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0011565 ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, Ngân hàng Liên Việt được nhận lại 3.439.000đồng (Ba triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng) còn dư.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bà Lê Thị T2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mạc Thị Chiên